

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 (ĐỢT 2)**

*(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /10/2022 của HĐND tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Tổng vốn Chương trình			Chi tiết theo các nội dung đặc thù					
					V- nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch công thôn			XI - Duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG	Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP
			<b>11.049</b>	<b>7.714</b>	<b>3.335</b>	<b>3.405</b>	<b>2.377</b>	<b>1.028</b>	<b>7.644</b>	<b>5.337</b>
1	Huyện Bạch Thông	2.175	1.519	656	1.075	751	324	1.100	768	332
2	Huyện Ba Bể	1.380	963	417	1.380	963	417	-		
3	Huyện Chợ Đồn	2.170	1.515	655	-	-	-	2.170	1.515	655
4	Huyện Chợ Mới	3.354	2.341	1.013	950	663	287	2.404	1.678	726
5	Huyện Na Rì	1.300	908	392	-	-	-	1.300	908	392
6	Thành phố Bắc Kạn	670	468	202	-	-	-	670	468	202

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 (ĐỢT 2)**

**Tổng hợp theo đơn vị, địa phương và theo lĩnh vực**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /10/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị, địa phương	Dự toán phân bổ và giao bổ sung năm 2022							Nguồn kinh phí phân bổ		
		Tổng số	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	Sự nghiệp môi trường	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	An ninh - quốc phòng	Tổng cộng	Trong đó	
										Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng
A	B	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8 = 9 + 10	9	10
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.049</b>	<b>7.644</b>	<b>-</b>	<b>3.405</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.049</b>	<b>7.714</b>	<b>3.335</b>
1	Huyện Bạch Thông	2.175	1.100		1.075	-	-		2.175	1.519	656
2	Huyện Ba Bể	1.380	-		1.380	-	-		1.380	963	417
3	Huyện Chợ Đồn	2.170	2.170		-	-	-		2.170	1.515	655
4	Huyện Chợ Mới	3.354	2.404		950		-		3.354	2.341	1.013
5	Huyện Na Rì	1.300	1.300		-		-		1.300	908	392
6	Thành phố Bắc Kạn	670	670	-	-	-	-		670	468	202

## PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022 (ĐỢT 2)

## Tổng hợp theo các nội dung đặc thù

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /10/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung đặc thù	Dự toán phân bổ và giao bổ sung năm 2022	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	
A	B	1=2+3	2	3	4
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>11.049</b>	<b>7.714</b>	<b>3.335</b>	
1	Mục 5: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn	3.405	2.377	1.028	Chi tiết tại Biểu 2.5
-	Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	3.405	2.377	1.028	Điều 26, mục 5 Chương II Thông tư 53/2022/TT-BTC
2	Mục 11: Duy tu bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	7.644	5.337	2.307	Chi tiết tại Biểu 2.11
-	Duy tu bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	7.644	5.337	2.307	

**MỤC 5: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA NÔNG THÔN; BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /10/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Tổng kinh phí giao bổ sung năm 2022			Chia theo lĩnh vực		
					Sự nghiệp văn hóa, thể thao		
					Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
NSTW	NSDP đối ứng		NSTW	NSDP đối ứng			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.405</b>	<b>2.377</b>	<b>1.028</b>	<b>3.405</b>	<b>2.377</b>	<b>1.028</b>
1	Huyện Bạch Thông	1.075	751	324	1.075	751	324
2	Huyện Ba Bể	1.380	963	417	1.380	963	417
3	Huyện Chợ Mới	950	663	287	950	663	287

**MỤC 11: DUY TU, BẢO DƯỠNG, VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH SAU ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /10/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Tổng kinh phí giao bổ sung năm 2022			Chia theo lĩnh vực		
					Sự nghiệp kinh tế		
					Duy tu bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
NSTW	NSDP đối ứng		NSTW	NSDP đối ứng			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.644</b>	<b>5.337</b>	<b>2.307</b>	<b>7.644</b>	<b>5.337</b>	<b>2.307</b>
1	Huyện Bạch Thông	1.100	768	332	1.100	768	332
2	Huyện Chợ Đồn	2.170	1.515	655	2.170	1.515	655
3	Huyện Chợ Mới	2.404	1.678	726	2.404	1.678	726
4	Huyện Na Rì	1.300	908	392	1.300	908	392
5	Thành phố Bắc Kạn	670	468	202	670	468	202